TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 281/2020/QĐST–HNGĐ	*Biên Hòa, ngày 05 tháng 3 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 54, 55, 57, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án Việc dân sự thụ lý số 527/2020/TLST – VHNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2020, về việc "yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về việc nuôi con chung và chia tài sản chung khi ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. **Ông Lê Văn D**, sinh năm 1993; nơi đăng ký thường trú: Xã M, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; nơi cư trú: Phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. **Bà Nguyễn Thị Xuân H**, sinh năm 1996; nơi đăng ký thường trú: Xã M, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; nơi cư trú: Phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 16 tháng 01 năm 2020, ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị Xuân H nộp đơn yêu cầu "công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con chung và chia tài sản chung". Quá trình Tòa án giải quyết, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng ông D, bà H thống nhất không đoàn tụ, xin được công nhận thuận tình ly hôn. Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận thuận tình ly hôn vào ngày 26/02/2020. Ông D và bà H hiện đang cư trú tại phường P, thành phố B, đã nộp tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự. Do đó, đơn yêu cầu của ông D, bà H được Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa thụ lý và giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung đơn yêu cầu:

Ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị Xuân H tự nguyện tình hiểu và xây dựng gia đình, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Sóc Trăng ngày 26/5/2017. Ông D, bà H có 02 con chung tên Lê Ngọc Thiên K, sinh ngày 16/3/2016 và Lê Hải Đ, sinh ngày 06/7/2017. Ông D, bà H thỏa thuận giao cả hai cháu Kim và cháu Đăng cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành, có khả năng lao động. Tạm thời, ông D không cấp dưỡng nuôi con chung. Ông D và bà H không có tài sản chung và nợ chung.

Quá trình chung sống, ông D và bà H thừa nhận hôn nhân không hạnh phúc, cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Ông D, bà H đều xác định tình cảm không còn, hôn nhân không đạt được mục đích nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về việc nuôi con chung.

Xét thấy, việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 02 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị Xuân H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị Xuân H xác định có 02 con chung tên Lê Ngọc Thiên K, sinh ngày 16/3/2016 và Lê Hải Đ, sinh ngày 06/7/2017. Ông D, bà H thỏa thuận giao cả hai con chung là cháu Kim và cháu Đăng cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành, có khả năng lao động. Tạm thời, ông D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông D được quyền đi lại thăm nom chăm sóc các con không ai được quyền ngăn cản.

Vì quyền lợi của các con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu về mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông D, bà H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Hôn nhân gia đình: Ông D, bà H mỗi người phải nộp 150.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình. Số tiền trên được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí

300.000 đồng ông bà đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa theo biên lai thu số 0008191 ngày 04/02/2020.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Biên Hòa;
- UBND xã M, huyện T, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hồng Duyên